

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 08 – 2022

*(V/việc không công nhận  
quan hệ vợ chồng)*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Nguyễn Tấn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

**- Bị đơn:** Anh Tô Phước T, sinh năm 1989.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời trình bày đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị N trình bày, chị và anh T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Chị N xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị N xác định có 02 con chung tên Tô Phước Nh, sinh ngày 01/01/2008 và Tô Trọng Ng, sinh ngày 10/6/2006 (hiện đang ở chung với chị N). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng chị N không đặt ra yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Đối với anh Tô Phước T, Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T biết được việc yêu cầu ly hôn của chị N, nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của chị N.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Bùi Hồng N về việc xin ly hôn với anh Tô Phước T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp 6, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa theo quy định cho các đương sự, chị N có ý kiến xin vắng mặt, còn anh T vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị N trình bày, chị và anh T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được, hiện đã sống ly thân nhau. Chị N xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của chị N và anh T sống chung nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thụ lý giải quyết. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Hồng N và anh Tô Phước T.

[3] Về con chung: Chị N xác định có 02 con chung tên Tô Phước Nh, sinh ngày 01/01/2008 và Tô Trọng Ng, sinh ngày 10/6/2006 (hiện đang ở chung với chị N). Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng chị N không đặt ra yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nh và cháu Ng đều có nguyện vọng ở với mẹ, khi cha mẹ ly hôn (hiện đang chung sống với chị N) Như vậy, việc yêu cầu của chị N trực tiếp nuôi con sau ly hôn phù hợp với nguyện vọng của các con, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiếp tục giao 02 con chung tên Tô Phước Nh, sinh ngày 01/01/2008 và Tô Trọng Ng, sinh ngày 10/6/2006 cho chị N nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng chị N không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Hồng N và anh Tô Phước T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Tô Phước Nh, sinh ngày 01/01/2008 và Tô Trọng Ng, sinh ngày 10/6/2006 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện đang ở với chị Nghi).

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị N không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bùi Hồng N nộp 300.000đ. Vào ngày 04 tháng 5 năm 2022, chị N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0014925 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận :*

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**Diệp Chí Nguyễn**